

VNINDEX	HNX	UPCOM	DOW JONES	NIKKEI 225	DAX
1,702.93 +1.70%	251.46 +0.19%	127.62 +0.95%	46,565.74 +0.48%	53,739.68 +5.24%	23,298.89 +2.73%



Nhận định thị trường và chiến lược

"Đà hưng phấn tăng nóng"

Kết thúc phiên giao dịch ngày 01/03, VN-Index tăng +28.44 điểm (+1.7%) lên mức 1702.93 điểm với 208 mã tăng, 103 mã giảm và 67 mã tham chiếu. Tổng khối lượng giao dịch đạt 943.3 triệu cổ phiếu (+1.4%). Tổng giá trị giao dịch đạt 29.245 tỷ đồng, tương ứng tăng +20% so với phiên trước.

Diễn biến các chỉ số chính: VN-Index (+1.7%), HNX-Index (+0.19%), UPCOM-Index (+0.95%), VN30 (+1.76%), VNMIID (+0.31%), VNSML (+0.54%), VNDIAMOND (+0.37%), VNFINLEAD (+0.58%), VNCOND (+0.6%), VNCONS (+1.03%).

Khối ngoại bán ròng -920.16 tỷ đồng trên HOSE. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất: VIC (-1248.01 tỷ), FPT (-135.65 tỷ), BSR (-120.88 tỷ). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu được mua ròng gồm: MSN (+200.32 tỷ), HPG (+195.93 tỷ), SSI (+126.85 tỷ).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Đà hưng phấn kéo VN-Index mở gap đầu phiên trong đó nhóm Bất động sản và nhóm VN30 là điểm sáng của phiên giao dịch. Lực cung xuất hiện phần lớn thời gian cho thấy áp lực chốt lời ngắn hạn đang gia tăng. Các vị thế ngắn có biên độ hồi phục lớn vừa qua cần ưu tiên chốt lời.

Xu hướng ngắn hạn: Xu hướng ngắn hạn vẫn đang duy trì hồi phục trên khung biểu đồ ngày tuy nhiên thị trường tạo rủi ro giảm điểm khi nhịp tăng hưng phấn kéo chỉ số lên vùng 1700 điểm trong thời gian ngắn trong khi phần lớn các cổ phiếu đã tăng với biên độ 10-15% trong thời gian qua. Nhà đầu tư chú ý quản trị danh mục lướt sóng, chủ động chốt lời khi cổ phiếu đã đạt mục tiêu.

Hỗ trợ - kháng cự động ngắn hạn tại 1600 - 1700 điểm.

Xu hướng trung hạn: Nhịp hồi kéo chỉ số vượt qua vùng khối lượng giao dịch lớn, hình thành nền tuần hồi phục tích cực trên khung biểu đồ tuần. Hiện tại VN-Index đang có xác suất cao hướng theo kịch bản đi ngang tại vùng 1586 - 1880 điểm theo nhịp hồi cho đến khi có tín hiệu đảo chiều xuất hiện.

Hỗ trợ trên khung trung hạn: 1586 - 1606 điểm.

Kết luận: Tín hiệu trên khung ngày cảnh báo giảm điểm do mức tăng của chỉ số khá mạnh trong khi lực cung chốt lời ngắn hạn có xu hướng gia tăng. Ưu tiên chốt lời với các vị thế ngắn hạn đã đạt mục tiêu.

Với dự báo xu hướng của giai đoạn tới, chúng tôi đưa ra mức hỗ trợ - kháng cự như sau:

Kháng cự động: 1700 - 1740

Hỗ trợ 1: 1586 - 1606

Hỗ trợ 2: 1486 - 1540

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

Lực cung chốt lời gia tăng khi chỉ số di chuyển lên vùng có khối lượng giao dịch lớn. Phần lớn cung bán tập trung ở các cổ phiếu đã tăng với biên độ từ 10-15% trong thời gian vừa qua, như nhóm Bất động sản, Khu công nghiệp, Chứng khoán, Bán lẻ...trong khi nhóm vốn hóa lớn có vai trò giữ điểm số cho thị trường. Nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn ưu tiên chốt lời với các nhóm cổ phiếu này khi đã đạt mục tiêu. Đối với xu hướng trung hạn, thị trường chưa xác nhận kết thúc điều chỉnh tuy nhiên kỳ vọng nền rút chân trên khung tháng sẽ hướng thị trường theo kịch bản đi ngang trong vùng 1586 - 1880 điểm.

Hỗ trợ - kháng cự động ngắn hạn tại 1600 - 1745 điểm.

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- ☞ Báo cáo cổ phiếu BSI: Mảng cho vay ký quỹ tiếp tục là động lực tăng trưởng
- ☞ Báo cáo cổ phiếu PDV: Triển vọng hồi phục nhờ giá cước thuận lợi và mở rộng đội tàu
- ☞ Báo cáo Cập nhật KQKD Q4/2025 - PVC
- ☞ Báo cáo cổ phiếu SGN: Triển vọng 2026 thận trọng
- ☞ Báo cáo cổ phiếu SLS: Kỳ vọng giá đường phục hồi

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ

STT	Mã	Ngày mở MUA	Vùng mua	Giá mục tiêu	Giá cốt lõi	Lợi nhuận dự kiến	Giá hiện tại (₺)	%Lãi/Lỗ hiện tại	Trọng thời
1	SZC	16/03/2026	29-30	31.7	27.5	7.46%	29.15	-1.19%	Nắm giữ
2	PDR	16/03/2026	15.2-15.7	17.0	14.0	10.03%	16.25	5.18%	Chốt lời
3	HDC	16/03/2026	17.5-18	20.0	16.5	12.68%	18.70	5.35%	Chốt lời
4	DXG	16/03/2026	13.5-14	14.9	12.7	8.36%	14.45	5.09%	Chốt lời
5	VCI	16/03/2026	36-37	39.4	34.5	7.95%	27.35	2.43%	Chốt lời
6	SHS	16/03/2026	16.2-17.5	18.2	15.4	12.35%	17.50	8.02%	Chốt lời
7	HHV	17/03/2026	12-12.5	13.8	11.5	12.65%	12.30	0.41%	Chốt lời
8	DHA	17/03/2026	51-53	56.5	49.5	8.65%	47.80	-8.08%	Nắm giữ
9	FCN	17/03/2026	12-12.5	14.0	11.5	14.29%	13.10	6.94%	Chốt lời
10	HPG	26/03/2026	26-26.5	29.0	24.5	10.48%	27.15	4.42%	Chốt lời
11	TCB	26/03/2026	30-31	33.5	28.0	9.84%	30.80	2.16%	Chốt lời
12	ACB	26/03/2026	23-23.8	25.5	21.8	8.97%	23.80	2.15%	Chốt lời
13	MBB	26/03/2026	25.5-26	27.7	24.0	7.57%	26.50	3.11%	Chốt lời
14	VIB	26/03/2026	16.5-17	18.0	15.7	7.46%	17.20	1.78%	Chốt lời
15	VNM	26/03/2026	61.5-62.5	69.0	58.0	11.29%	61.30	0.49%	Nắm giữ
16	KDH	26/03/2026	25-26	29.2	23.0	14.51%	26.50	4.54%	Chốt lời
17	SAB	02/04/2026	44-45	48.0	41.5	7.87%	44.50	0.00%	Mua mới
18	PLX	02/04/2026	40.3-41.5	45.5	38.5	11.25%	40.70	0.00%	Mua mới

Lưu ý: Để xem lịch sử khuyến nghị của ABS, vui lòng click vào đây.

TIN TỨC THẾ GIỚI

- ☞ Châu Á chạy đua mua dầu Nga giữa khủng hoảng nguồn cung dầu
- ☞ Iran đe dọa sẽ bắt đầu tấn công các công ty công nghệ lớn của Mỹ
- ☞ Xuất khẩu của Trung Quốc có cơ hội bứt phá nhờ cú sốc năng lượng

TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY

- ☞ TP. HCM đặt mục tiêu trở thành trung tâm bán lẻ hàng đầu ASEAN
- ☞ PMI tháng 3/2026: Chi phí đầu vào tăng mạnh khiến giá cả đầu ra tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 4/2011
- ☞ Lãi suất liên ngân hàng lên 12%

LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

- 01/04/2026: Công bố chỉ số quản lý thu mua (PMI)
- 03/04/2026: Công bố tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ

Chỉ số thị trường Việt Nam	01/04/2026	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
VNINDEX	1,702.93	1.70%	5.46%	-6.13%
VNINDEX GTGD (Tỷ VND)	29,296.04	17.53%	42.80%	77.27%
HNX	251.46	0.19%	3.14%	-1.96%
HNX GTGD (Tỷ VND)	1,992.99	-6.65%	67.10%	126.38%
Upcom	127.62	0.95%	3.98%	1.33%
Upcom GTGD (Tỷ VND)	736.92	-1.81%	20.03%	70.26%
P/E VNindex (x)	13.82	1.84%	7.55%	-2.81%
P/B VNindex (x)	2.03	1.50%	7.41%	-2.87%

TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

Top cổ phiếu VN30	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	VRE 6.99%	SHB -2.25%	VIC 13.71%	DGC -3.81%	STB 1.80%	DGC -25.52%
2	VHM 6.99%	GVR 13.24%	SAB -1.33%	LPB 1.31%	FPT -23.79%	
3	VIC 6.99%	VHM 11.31%	GAS -0.87%	VHM 1.10%	PLX -21.28%	
4	VIC 4.44%	VJC 9.08%	FPT -0.13%	HPG 0.93%	GAS -21.10%	
5	SSI 3.53%	VRE 8.89%		VIB 0.58%	BID -13.35%	

Top cổ phiếu Mid cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	ORS 5.70%	DCM -6.21%	HCM 18.99%	STG -13.33%	EVF 20.00%	STG -17.72%
2	HVN 5.16%	BSR -4.88%	DXS 17.90%	VCF -7.61%	VCG 19.68%	BMP -17.45%
3	HCM 3.52%	SVC -3.34%	VTP 17.49%	BHN -2.96%	DCM 16.45%	HVN -17.19%
4	VTP 3.11%	DPM -3.18%	KBC 16.46%	MCH -2.37%	DPM 15.60%	HKG -15.93%
5	PLG 2.93%	PC1 -2.83%	PAN 13.75%	PCC -2.35%	REE 10.47%	SZC -13.88%

Top cổ phiếu Small cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	SVI 6.90%	JVC -5.78%	PET 21.13%	HRC -16.83%	HRC 58.15%	FIR -27.55%
2	DCL 6.77%	VMD -4.78%	HTN 18.48%	TMT -8.20%	PET 50.44%	JVC -22.91%
3	PTC 6.72%	ABR -4.69%	SMC 17.05%	JVC -7.63%	TCO 40.00%	VNE -22.31%
4	NVT 4.05%	SRC -4.55%	HHS 15.15%	VNE -6.91%	VDP 20.80%	ELC -20.22%
5	TVT 3.85%	HHS -4.32%	DLG 12.94%	CCI -6.88%	PAC 17.41%	LGL -19.90%

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA

	01/04/2026	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
TTCK Toàn cầu				
DAX	23,298.89	2.73%	2.92%	-6.97%
Dow Jones	46,565.74	0.48%	0.96%	-5.73%
FTSE 100	10,364.79	1.85%	4.01%	-2.47%
Nikkei 225	53,739.68	5.24%	2.85%	-5.00%
S&P 500	6,575.32	0.72%	0.29%	-4.18%

Tỷ giá

USD/VND	26,340.00	-0.02%	-0.00%	1.42%
USD/JPY	160.26	0.28%	1.60%	4.42%
GBP/USD	1.32	0.00%	-1.49%	-2.22%
EUR/USD	1.16	0.87%	0.00%	-1.69%

Năng lượng

Dầu thô Brent	USD/Bbl	101.16	-2.70%	-3.19%	41.17%
Khí tự nhiên	USD/MMBtu	2.92	1.04%	-3.31%	-7.59%
Than	USD/T	137.20	-3.69%	-1.82%	18.12%

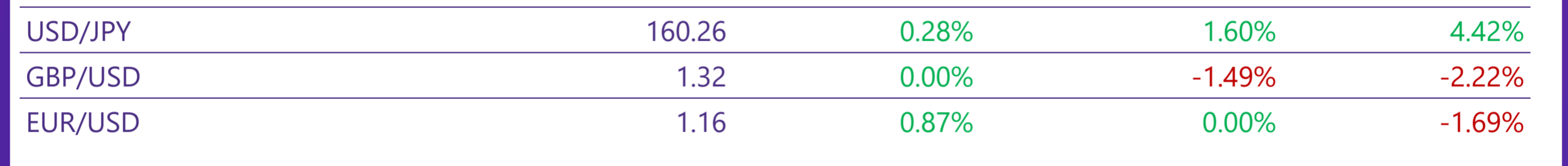
Kim loại và vật liệu xây dựng

Bạc	USD/t.oz	74.00	3.93%	-6.70%	-2.22%
Gỗ	USD/1000 board feet	608.50	0.58%	2.10%	4.46%
Vàng	USD/toz	4,689.01	0.31%	4.83%	-6.18%
Thép cuộn cán nóng	USD/T	1,070.00	0.09%	1.42%	8.74%
Quặng sắt	USD/T	106.22	0.08%	0.55%	6.58%
Đồng	USD/Lbs	5.43	-0.18%	-6.22%	-9.05%
Thép	CNY/T	3,103.00	-0.70%	-1.43%	2.07%

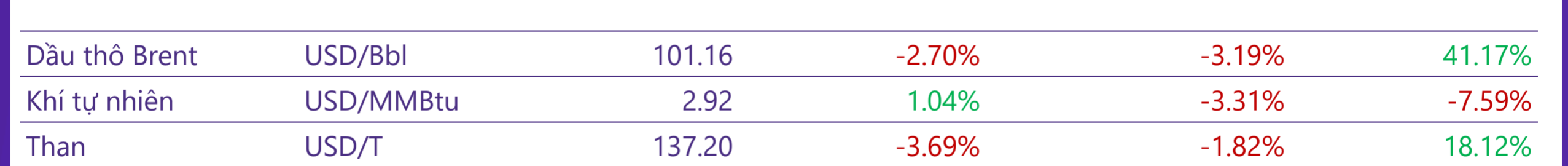
Nông nghiệp

Cao su	USD Cents / Kg	203.40	1.40%	6.55%	5.66%
Lúa mì	USD/Bu	620.37	0.67%	5.15%	10.88%
Lương thực	USD/Lbs	90.43	-0.06%	-0.41%	-2.29%
Đường	USD/Lbs	15.52	-1.15%	8.00%	12.79%
Cà phê	USD/Lbs	301.70	-1.93%	0.27%	1.85%

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 01/04/2026



1. Độ rộng thị trường



2. Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



3. GTGD ròng nước ngoài 10 phiên (tỷ VND)



4. GTGD ròng tự doanh 10 phiên (tỷ VND)



5. Top GTGD NĐT nước ngoài trong phiên

Top 5 mua	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)
MSN	1,195,455	2,609,865
HPG	195,932	1,140,817
SHS	129,902	7,125,431
SSI	126,910	29,411
MWG	90,832	1,100,460

6. Top GTGD NĐT tự doanh trong phiên

Top 5 mua	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)
VIC	17,582	192,200
SHB	17,582	1,920,500
PVT	15,400	30,000
VJC	15,190	93,600
LPB	12,950	305,300

Top 5 bán

Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)
CTG	-4,810,000	-48,100
MBB	-5,120,000	-51,200
MSN	-1,195,455	-343,000
MWG	-90,832	-350,000
VIX	-1,100,460	-1,100,460

Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS Invest

Trải nghiệm ngay bảng giá ABS Web Trading

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3562 4626 Ext: 151

Email: research@abs.vn

Website: ABS.VN

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Các thông tin, nhận định được ABS đưa ra dựa trên nguồn tin đáng tin cậy. Người sử dụng báo cáo cần tự chịu trách nhiệm khi sử dụng thông tin để ra quyết định mua, bán chứng khoán.